

PHỤ LỤC 01

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC GIÁO DỤC CẤP MẦM NON, GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Kèm theo Kế hoạch Số: /KH-SGDDT, ngày tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi)

STT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	U'UTH năm 2025			Chỉ tiêu đến năm 2030
			Kon Tum (cũ)	Quảng Ngãi (cũ)	Quảng Ngãi (mới)	
1	Chỉ tiêu tiếp cận giáo dục					
1.1	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%				
	<i>Chung</i>	%	22%	29,46%	25,73%	38%
	<i>Dân tộc thiểu số (DTTS)</i>	%	15,00%	65,10%	40,05%	25%
1.2	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	%	100%	100%	100%	Duy trì, củng cố
1.3	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo	xã/phường/ đặc khu			0/96	96/96
	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 03 đến 05 tuổi đi học mẫu giáo	%	96,00%	84,48%	90,24%	97%
1.4	Trẻ em DTTS trong các cơ sở GDMN được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ	%	60%		60%	70%
1.5	Trẻ DTTS được chuẩn bị Tiếng Việt	%	100%	100%	100%	100%
1.6	Tỉ lệ trẻ 5 tuổi tăng cường tiếng việt trước khi vào lớp 1	%	100%	100%	100%	100%
1.7	Tỷ lệ trẻ khuyết tật học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục	%	>70 Ít nhất 60 trẻ rối loạn phổ tự kỷ			>70% (riêng trẻ 5 tuổi đạt 100%)
1.8	Tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thực	%	17,90%	9,27%	13,59%	30%
1.9	Số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực	%	12,90%	40%	26,45%	35%
1.10	Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày	%	100%	100%	100%	100%
2	Chỉ tiêu đảm bảo chất lượng giáo dục	%				
2.1	100% cơ sở giáo dục mầm non triển khai, thực hiện triển Chương trình giáo dục Mầm non	%	100%	100%	100%	100%
2.2	100% cơ sở giáo dục mầm non thực hiện triển khai chương trình sức khỏe học đường 2026-2030	%	100%	100%	100%	100%

STT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	U'RH năm 2025			Chỉ tiêu đến năm 2030
			Kon Tum (cũ)	Quảng Ngãi (cũ)	Quảng Ngãi (mới)	
2,3	100% cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng mức độ chuyển đổi số theo quy định	%				100%
3	Chỉ tiêu đảm bảo điều kiện	%				
3.1	Đội ngũ	%				
3.1.1	Giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục	%	94,1%	91%	92,55%	100%
3.1.2	Giáo viên mầm non DTTS đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo	%	90,7%		90,7%	100
3.1.3	Đánh giá giáo viên chuẩn nghề nghiệp từ Khá trở lên	%	89%	87,07%	88,03%	100
3.1.4	Đánh giá giáo viên DTTS chuẩn nghề nghiệp từ Khá trở lên	%	80%		80%	100
3.1.5	Giáo viên được bồi dưỡng chương trình giáo dục mầm non mới	%	100%	100%	100%	100%
3.1.6	GV dạy vùng DTTS được bồi dưỡng tiếng DTTS	%	100%	100%	100%	100%
3.2	Cơ sở vật chất	%				
3.2.1	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	30%	84,02%	57,1%	100%
3.2.2	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	50%	63,41%	52,51%	65,19%